

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 22-12-2021  
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 928/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1052/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992.

HKTT: Tổ 6, ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 5, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Châu Th**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Bùi Châu Th chung sống vào năm 2012, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã T, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyền số 01/12 ngày 17/8/2012).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, ngoài ra anh Th còn đánh đập chị. Từ đầu năm 2021 anh chị sống ly thân nhau đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh Th do tình cảm vợ chồng không còn.

- Con chung: có 01 cháu tên là Bùi Thanh Ng, sinh ngày 04/01/2013. Ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty H, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên chị xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

\* *Bị đơn anh Bùi Châu Th trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2012, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng nhiều năm trở lại đây thường xảy ra mâu thuẫn nên hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình.

Con chung: có 01 cháu tên Bùi Thanh Ng, sinh năm 2013, anh giao con cho chị Ngân nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần khắc phục.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Châu Th tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Đ. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thanh Ngân, sinh ngày 04/01/2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường cãi nhau. Từ đầu năm 2021 cho đến nay, chị H và anh Th sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, xin nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, anh Th đồng ý với yêu cầu của chị H. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có yêu cầu vắng mặt, anh Bùi Châu Th đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Châu Th. Hiện nay anh Th cư trú tại ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H, bị đơn là anh Bùi Châu Th.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Châu Th chung sống vào năm 2012, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/12 ngày 17/8/2012). Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn anh Th vì vợ chồng hết tình cảm.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H khai là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau nên từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Tại bản tự khai ngày 17/3/2021 anh Th đồng ý thuận tình ly hôn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Th đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến Tòa án, từ đó thể hiện anh Th không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh Th là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Th thừa nhận có 01 cháu tên là Bùi Thanh Ng, sinh ngày 04/01/2013. Chị H xin nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, tại bản khai anh Th đồng ý.

Xét thấy, từ khi chị H và anh Th sống ly thân nhau đến nay thì con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, cháu Ngân cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: đương sự khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Bùi Châu Th.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Châu Th.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thanh Ng, sinh ngày 04/01/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001343 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Châu Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mai**

